ĐỀ KIỂM TRA TOÁN LỚP 5

Kiểm tra Học kỳ 1 (mức nâng cao – đề 3)

15 câu · Thời gian gợi ý: 30 phút

Họ và tên: .....

Lớp: ..... **Ngày:** ...../...../.....

Điểm

Câu 1. Chọn đơn vị thích hợp

Diện tích một trang trại khoảng 25 ...

A. dm^2 B. ha C. mm^2 D. km^2

Câu 2. Giá trị của chữ số

Trong số 45 635 724, chữ số 5 ở hàng triệu có giá trị là bao nhiêu?

A. 5 B. 5 000 000 C. 50 000 000 D. 500 000

Câu 3. Tìm x

x – 19,71 = 16,4 + 20,2. Tìm x.

Bài giải:

.....

.....

.....

Đáp số: .....

Câu 4. Giải toán

Năng suất lúa là 63 tạ/ha (mỗi héc-ta thu 63 tạ thóc). Một thửa ruộng hình chữ nhật dài 50 m, rộng 20 m thu được bao nhiêu ki-lô-gam thóc?

Bài giải:

.....

.....

.....

Đáp số: .....

Quét QR: bé học tiếp
mamhoc.com/play
Không cài đặt, không đăng ký

© Mầm Học · mamhoc.com – Tài liệu học tập dành cho gia đình, không sao chép để kinh doanh

Câu 5. Giải toán

Hình thang có diện tích 117 m², chiều cao 9 m, đáy lớn 22 m. Tính đáy bé.

Bài giải:

Đáp số: .....

Câu 6. Giải toán

Ba bạn chia nhau một túi kẹo: An lấy $\frac{1}{2}$ số kẹo, Bình lấy $\frac{1}{4}$ số kẹo, Chi lấy 12 cái còn lại. Hỏi túi kẹo có bao nhiêu cái?

Bài giải:

Đáp số: .....

Câu 7. Giải toán

Từ một tấm bìa hình vuông cạnh 46 cm, người ta cắt ra một hình tròn lớn nhất có thể. Tính diện tích phần bìa bỏ đi.

Bài giải:

Đáp số: .....

Câu 8. Giải toán

Mỗi gói bánh nặng 1,752 kg. Hỏi 1 000 gói bánh như thế nặng bao nhiêu tấn?

Bài giải:

Đáp số: .....

Quét QR: bé học tiếp
mamhoc.com/play
Không cài đặt, không đăng ký

© Mầm Học · mamhoc.com – Tài liệu học tập dành cho gia đình, không sao chép để kinh doanh

Câu 9. Giải toán (viết kết quả bằng héc-ta)

Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1 000, một khu đất hình chữ nhật có chiều dài 6 cm, chiều rộng 4 cm. Hỏi diện tích thật của khu đất là bao nhiêu héc-ta?

Bài giải:

.....

.....

.....

Đáp số: .....

Câu 10. Tìm số tự nhiên

Tìm số tự nhiên x lớn nhất sao cho $\frac{x}{10} < 1{,}84$.

Bài giải:

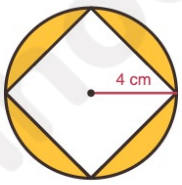
.....

.....

.....

Đáp số: .....

Câu 11. Giải toán



Một hình vuông có bốn đỉnh nằm trên đường tròn tâm O bán kính 4 cm. Tính diện tích phần hình tròn nằm ngoài hình vuông (phần tô màu).

Bài giải:

.....

.....

.....

Đáp số: .....

Quét QR: bé học tiếp
mamhoc.com/play
Không cài đặt, không đăng ký

Câu 12. Tìm số

Tổng của hai số thập phân là 2,31. Nếu dời dấu phẩy của số bé sang phải một chữ số thì được số lớn. Tìm số bé.

Bài giải:

Đáp số: .....

Câu 13. Giải toán

Một cuộn dây điện dài 9,65 m. Người ta cắt ra 6 đoạn, mỗi đoạn dài 9 dm. Phần còn lại cắt thành các đoạn dài 25 cm. Hỏi cắt được bao nhiêu đoạn dài 25 cm?

Bài giải:

Đáp số: .....

Câu 14. Tìm số

Gọi A là số bé nhất, B là số lớn nhất trong các số thập phân có hai chữ số ở phần thập phân mà làm tròn đến hàng phần mười được 12,8. Tính A + B.

Bài giải:

Đáp số: .....

Câu 15. Giải toán

Một căn phòng hình chữ nhật dài 10 m, rộng 4 m. Người ta lát nền bằng gạch hình vuông cạnh 20 cm. Hỏi cần bao nhiêu viên gạch (coi như không có mạch vữa)?

Bài giải:

Đáp số: .....

Quét QR: bé học tiếp
mamhoc.com/play
Không cài đặt, không đăng ký

ĐÁP ÁN

Mã đề T5-HK1-15-N-22137 · Kiểm tra Học kỳ 1 (mức nâng cao – đề 3)

Câu 1: B. ha · Bảng đơn vị đo diện tích

Ước lượng độ lớn thật của vật rồi so với đơn vị: 1 cm² bằng móng tay, 1 m² bằng một ô vuông cạnh 1 m, 1 ha bằng một khu đất vuông cạnh 100 m, 1 km² bằng hình vuông cạnh 1 km. Đơn vị thích hợp là ha.

Câu 2: B. 5 000 000 · Số tự nhiên: giá trị chữ số, làm tròn, dấu hiệu chia hết

Chữ số 5 đứng ở hàng triệu nên có giá trị 5 × 1 000 000 = 5 000 000.

Câu 3: 56,31 · Cộng số thập phân

Tính vế phải: 16,4 + 20,2 = 36,6. x là số bị trừ nên x = 36,6 + 19,71 = 56,31.

Câu 4: 630 · Thực hành đo, ước lượng diện tích

Diện tích thửa ruộng: 50 × 20 = 1 000 (m²) = 0,1 ha. 63 tạ = 6 300 kg. Số thóc: 6 300 × 0,1 = 630 (kg).

Câu 5: 4 · Hình thang, diện tích hình thang

Tổng hai đáy: 117 × 2 : 9 = 26 (m). Đáy bé: 26 – 22 = 4 (m).

Câu 6: 48 · Cộng, trừ hai phân số khác mẫu số

An và Bình lấy $\frac{1}{2} + \frac{1}{4} = \frac{3}{4}$ số kẹo. Chi lấy $1 - \frac{3}{4} = \frac{1}{4}$ số kẹo, ứng với 12 cái. Túi kẹo có 12 : 1 × 4 = 48 cái.

Câu 7: 454,94 · Ôn tập chu vi, diện tích hình phẳng

Hình tròn lớn nhất có đường kính bằng cạnh hình vuông: bán kính 46 : 2 = 23 (cm). Hình tròn: 23 × 23 × 3,14 = 1 661,06 (cm²). Tấm bìa: 46 × 46 = 2116 (cm²). Bỏ đi: 2116 – 1 661,06 = 454,94 (cm²).

Câu 8: 1,752 · Nhân, chia với 10; 100; 1 000 và 0,1; 0,01; 0,001

1 000 gói nặng: 1,752 × 1 000 = 1 752 (kg). 1 tấn = 1 000 kg, nên chia cho 1 000: 1 752 : 1 000 = 1,752 (tấn).

Câu 9: 0,24 · Ki-lô-mét vuông, héc-ta

Chiều dài thật: 6 × 1 000 = 6 000 (cm) = 60 m. Chiều rộng thật: 4 × 1 000 = 4 000 (cm) = 40 m. Diện tích: 60 × 40 = 2 400 (m²) = 0,24 ha.

Câu 10: 18 · So sánh, sắp xếp số thập phân

$\frac{x}{10} < 1{,}84$ nghĩa là $x < 1{,}84 \times 10 = 18{,}4$. Số tự nhiên lớn nhất thỏa mãn là 18.

Câu 11: 18,24 · Chu vi và diện tích hình tròn

Hai đường chéo của hình vuông là hai đường kính, mỗi đường dài 8 cm và vuông góc với nhau. Hình vuông gồm 4 tam giác vuông có hai cạnh góc vuông 4 cm, diện tích 4 × 4 : 2 × 4 = 32 (cm²). Hình tròn: 4 × 4 × 3,14 = 50,24 (cm²). Phần tô màu: 50,24 – 32 = 18,24 (cm²).

Quét QR: bé học tiếp
mamhoc.com/play
Không cài đặt, không đăng ký

Câu 12: **0,21** · Khái niệm số thập phân: viết, đọc, giá trị chữ số

Dời dấu phẩy sang phải một chữ số là gấp 10 lần, nên số lớn gấp 10 lần số bé. Tổng ứng với 10 + 1 = 11 phần bằng nhau. Số bé là 2,31 : 11 = 0,21.

Câu 13: **17** · Ôn tập đo lường

Đổi ra xăng-ti-mét: 9,65 m = 965 cm; 9 dm = 90 cm. Đã cắt: 90 × 6 = 540 (cm). Còn lại: 965 – 540 = 425 (cm). Số đoạn: 425 : 25 = 17 (đoạn).

Câu 14: **25,59** · Làm tròn số thập phân

A được làm tròn lên thành 12,8, nên A = 12,75. B được làm tròn xuống thành 12,8, nên B = 12,84. A + B = 12,75 + 12,84 = 25,59.

Câu 15: **1000** · Ôn tập hình học và đo lường

Đổi ra xăng-ti-mét: 1000 cm và 400 cm. Mỗi hàng có 1000 : 20 = 50 viên, có 400 : 20 = 20 hàng. Cần 50 × 20 = 1 000 viên.

mamhoc.com

Quét QR: bé học tiếp
mamhoc.com/play
Không cài đặt, không đăng ký